TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HN&GĐ - ST
Ngày: 20/01/2021
Về việc tranh chấp:
"Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Bích Ngọc – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên.

***- Đại diện VKSND thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Phương Thùy – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021 tại Hội trường Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên , tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số: 255/2020/TLST – HN&GĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXX - ST ngày 22/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐHPT ngày 07/01/2021 giữa các đươngsự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Quỳnh T, sinh năm 1988

ĐKHKTT: 6/3/71/192 Trần Huy Liệu, phường Trường Thi, TP Nam Định, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Anh Trần Xuân T1, sinh năm 1981

ĐKHKTT: TDP A1, phường Bắc Sơn, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt T, vắng mặt anh T1 lần 2 tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/8/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/10/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị Quỳnh T trình bày:

Chị và anh Trần Xuân T1 tự nguyện kết hôn năm 2014, có được tìm hiểu, và đăng ký kết hôn tại UBND thị Trấn Bắc Sơn (nay là phường Bắc Sơn), Phổ Yên, Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, chị và anh T1 chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn rồi vợ chồng mỗi người một nơi. Anh T1 do điều kiện công việc, lúc thì ở Bắc Giang, lúc thì ở Hải Dương nên vợ chồng chỉ đoàn tụ vào những ngày lễ, ngày tết, vì thế, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Đến khi chị T sinh

con chung, anh T1 cũng không quan tâm gì đến mẹ con chị, không chu cấp kinh tế để chị nuôi con, giữa vợ chồng không có sự gắn kết, quan tâm, trách nhiệm của một người chồng, người cha. Do chán nản cuộc sống vợ chồng, từ năm 2015, chị đã bỏ về Nam Định sinh sống và làm việc. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Tại phiên tòa, chị Trang vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh T1 có 01 con chung là cháu Trần Tùng A , sinh ngày 29/4/2014. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Xuân T1 đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không chấp hành các giấy báo gọi của Tòa án, không thể hiện quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, đề nghị giải quyết quyền nuôi con chung của chị T .

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Phổ Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đứng trình tự, thủ tục tố tụng, bị đơn anh Trần Xuân Tiến không thực hiện đúng. VKS không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị Trang được ly hôn anh T1.

+ Về con chung: áp dụng 81, Điều 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân & gia đình đề nghị giao con chung Trần Tùng Anh, sinh ngày 29/4/2014 cho chị Đỗ Quỳnh Trang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T1 cho đến khi có yêu cầu. Anh T1 được quyền thăm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có, không xem xét.

+ Án phí: chị T g chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng dân sự, quan điểm giải quyết vụ án. HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Đỗ Quỳnh T khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết quyền nuôi con chung với bị đơn anh Trần Xuân T1 có đăng ký nhân khẩu thường trú tại TDP A1, phường Bắc Sơn, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia & đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:*

[2.1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, anh T1 vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết, anh T1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, QĐ đưa vụ án ra xét xử, QĐ hoãn phiên tòa cho bố mẹ anh T1 là ông Trần Quốc V và bà Bùi Thị L . Ông V , bà L xác nhận đã đưa trực tiếp cho anh T1 nhưng anh T1 không về, từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án. Do vậy xác định anh T1 đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 177 BLTTDS năm 2015 nhưng không tham gia tố tụng. Vì vậy HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, xét xử vắng mặt bị đơn anh Tiến.

[2.2]. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành các biện pháp xác minh thu thập chứng cứ, nên Viện kiểm sát nhân thị xã Phổ Yên tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Quỳnh T , HĐXX nhận thấy: Chị Đỗ Quỳnh T và anh Trần Xuân T1 tự nguyện kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND thị trấn Bắc Sơn (nay là phường Bắc Sơn, thị xã Phổ Yên) ngày 09/5/2014, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc chỉ một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Tiến làm nghề tự do, không cố định, nay đây mai đó. Trong suốt 06 năm anh chị kết hôn, mỗi năm vợ chồng chỉ gặp nhau vào dịp lễ tết. Do vậy, cuộc sống vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau trong công việc cũng như trong cuộc sống gia đình. Khi anh chị đã có con chung, anh cũng không giúp đỡ chị trong việc chăm sóc con cái cũng như phụ giúp về kinh tế để chị nuôi con khiến tình cảm vợ chồng ngày càng trở nên mâu thuẫn căng thẳng. Từ năm 2015, chị Trang cũng đã đưa con về Nam Định ở và sinh sống. Vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, không có sự quan tâm đến cuộc sống chung của nhau nữa. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tiến, tại phiên tòa, chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, do anh T1 không chấp hành các giấy báo gọi của Tòa án, từ chối tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành các biện pháp thu thập chứng cứ, xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị với chính quyền địa phương, với gia đình anh T1 tại TDP A1, phường Bắc Sơn, thị xã Phổ Yên thì được cung cấp thông tin: Chị T và anh T1 kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Bắc Sơn (nay là phường Bắc Sơn), thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên. Sau khi kết hôn, anh chị có chung sống cùng gia đình chồng vài tháng

thì về Nam Định, quê của chị T sinh sống và làm ăn, cho nên chị T cũng chưa cắt khẩu chuyển về nhà chồng. Tuy nhiên do tính chất công việc của anh T1 là lao động tự do, nay đây mai đó nên vợ chồng không ở gần nhau, tình cảm có sự xa mặt, cách lòng. Từ khi kết hôn đến năm 2020, anh T1 và chị T chung sống với nhau rất ít. Hiện nay do tính chất công việc của anh T1 là làm quản lý quán hát karaoke tại tỉnh Hải Dương nên vợ chồng rất ít khi liên lạc và gặp nhau. Do không có sự quan tâm, chia sẻ của anh T1 cả về kinh tế lẫn tình cảm nên chị T đã có đơn xin ly hôn với anh T1. Về mặt tình cảm của các con, ông V , bà L để các con tự quyết định.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình ghi: *" Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ sống chung với nhau..."* Như vậy, chị T và anh T1đã không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

Quá trình giải quyết, anh T1 cũng không đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ vợ chồng với chị T , điều đó cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".*

HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh T là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Đề nghị của VKS phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 01 con chung là cháu Trần Tùng Anh, sinh ngày 29/4/2014. Từ nhỏ đến nay, cháu đều ở cùng với chị Trang. Khi ly hôn, chị T đề nghị được nuôi con chung , không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Tiến vắng mặt trong quá trình giải quyết nên không có ý kiến về con chung. Tại biên bản xác minh với ông Việt, bà L , quan điểm của gia đình anh T1nhất trí để chị T nuôi con vì thực tế, chị T vẫn nuôi con từ trước cho đến nay. Ông bà cũng xác định do vợ chồng ở xa nhau, anh T1 cũng không hề điện thoại hỏi thăm con cũng như cuộc sống của chị T và con như thế nào.

HĐXX nhận thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định: "*Vợ chồng thỏa thuận.....; trường hợp không không thỏa thuận được thì Tòa án giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con".* Cháu Trần Tùng A từ khi còn nhỏ cho đến nay đều ở cùng với chị T và được chị T nuôi dưỡng,chăm sóc chu đáo. Cháu hiện nay đang đi học tại Tp Nam Định, việc ăn ở, học tập đang rất ổn định trong khi đó, anh T1 không quan tâm gì đến con cả về tình cảm lẫn kinh tế. Do vậy, không

cần thiết phải thay đổi môi trường sống cũng như học tập của cháu nên đề nghị được nuôi con của chị T là có căn cứ, được chấp nhận.

Về yêu cầu cấp dưỡng: chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Tiến cho đến khi có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật

[5]. Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: không có, không đặt ra việc giải quyết.

[6]. Án phí: chị Trang chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 BLTTDS năm 2015; Điều 357, Điều 468 BLDS năm 2015;

- Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung của chị Đỗ Quỳnh T với anh Trần Xuân T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Quỳnh T được ly hôn anh Trần Xuân T1.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Trần Tùng A , sinh ngày 29/4/2014 cho chị Đỗ Quỳnh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T1 cho đến khi có yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm và chăm sóc con chung mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật

3. Tài sản chung, các khoản nợ chung, cho vay chung: không có, không đặt ra việc giải quyết.

4. Án phí: chị Đỗ Quỳnh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, biên lai thu số 0004910 ngày 01/10/2020.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T , báo cho biết chị T có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND P Bắc Sơn, TX Phổ Yên (nơi ĐKKH);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà